

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP DẠY HỌC THƠ TRỮ TÌNH TRUNG ĐẠI VIỆT NAM Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LẠNG SƠN

ThS. ĐẶNG THẾ ANH\*

**Abstract:** The basic content of this article is to mention the investigation into the reality of teaching Viet Nam medieval lyricism at Lang Son College of Education. Methods including analysis, evaluation will be used to propose some improving measure. This study could help us to draw specific lessons from the reality of renovation in teaching Viet Nam medieval lyricism in recent years and then work out effective solutions for renovation at Lang Son College of Education.

**Keywords:** teaching, lyricist, medieval literature...

Hiện tượng dạy học (DH) Văn học trung đại Việt Nam (VHTĐVN) nói chung, thơ trữ tình trung đại Việt Nam (TTTTĐVN) nói riêng một cách gượng gạo, gò bó không còn là hiện tượng đơn lẻ mà đã trở nên phổ biến ở nhiều trường trung học phổ thông. Điều đó, ngẫu nhiên tạo nên tâm lí “sợ” thơ trung đại, DH VHTĐVN chỉ vì đây là học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo; sự đam mê với học phần VHTĐVN còn rất ít, nếu không nói là hiếm. Việc “học gạo”, dạy “nhồi nhét” là kết quả tất yếu của nguyên nhân trên. DH Văn học trung đại đã chán, phần thơ trữ tình lại càng chán hơn. Hầu hết người dạy và người học phần thơ chữ Hán, chữ Nôm đều cho rằng phần này “học khó” và “dạy khổ”, bởi phải “bóc tách” bao lớp ngôn từ, ngữ nghĩa mới có thể hiểu được nội dung của bài thơ.

Thực trạng trên đã được chứng minh khi chúng tôi tiến hành khảo sát, điều tra (từ tháng 9/2014 - 1/2015) đối với giảng viên (GV) tổ Văn - Khoa Xã hội, sinh viên (SV) sư phạm Ngữ văn, Trường cao đẳng sư phạm (CĐSP) Lạng Sơn. Mặc dù phạm vi khảo sát chưa nhiều nhưng cũng đủ đem đến một cái nhìn trực quan về tình hình DH TTTTTĐVN của SV trong nhà trường, từ đó, phân tích, đánh giá và đề xuất một số biện pháp cụ thể nhằm hạn chế khoảng cách tiếp nhận, nâng cao hiệu quả DH VHTĐVN.

## 1. Thực trạng DH TTTTTĐVN ở Trường CĐSP Lạng Sơn

**1.1. Nội dung và cách thức khảo sát.** Chúng tôi tiến hành khảo sát theo hai phương án: 1) Phát phiếu điều tra 1, 2 (đối với SV): Chúng tôi ghi lại bản phiên âm, dịch nghĩa của hai bài thơ “*Thiên trường vân vọng*” và “*Bánh trôi nước*”, sau đó yêu cầu SV dựa vào bản dịch nghĩa để cho biết cách hiểu của mình về

mỗi từ (trừ tên địa danh, tên riêng). Hình thức điều tra này sẽ cho những số liệu cụ thể về việc hiểu từ ngữ trong bản phiên âm; 2) Đưa ra câu hỏi để đối tượng điều tra trả lời bằng hình thức chọn đáp án, phát biểu suy nghĩ, đề xuất... để biết họ đang nghĩ gì và cần gì khi dạy - học TTTTTĐVN.

**1.2. Kết quả khảo sát.** Ở phương án phát phiếu điều tra:

- Phiếu điều tra 1: số phiếu phát ra 126, thu về 125, đạt 99,2%. Cụ thể: Văn bản *Thiên trường vân vọng* (Mãn Giác thiền sư) có số chữ điều tra: 27 chữ (bỏ tên địa danh: Thiên Trường). Kết quả: 64/125 đạt yêu cầu chiếm 51,2% (xem *bảng 1*):

*Bảng 1. Nhận diện chữ của văn bản “Thiên trường vân vọng” (Mãn Giác thiền sư)*

| TT       | Số chữ nhận diện đúng và đánh giá mức độ |     |     |     |     |    |     |            |      |     |     |     |     |    |    |     |     |  |  |  |  | Tổng phiếu |
|----------|--|-----|-----|-----|-----|----|-----|------------|------|-----|-----|-----|-----|----|----|-----|-----|--|--|--|--|------------|
|          | 6  | 7   | 8   | 9   | 10  | 11 | 12  | 13         | 14   | 15  | 16  | 17  | 18  | 19 | 20 | 21  |     |  |  |  |  |            |
|          | Không đạt                                |     |     |     |     |    |     | Trung bình |      |     |     | Khá |     |    |    |     |     |  |  |  |  |            |
| Số phiếu | 3  | 3   | 4   | 6   | 9   | 10 | 9   | 17         | 14   | 8   | 8   | 9   | 7   | 5  | 5  | 8   | 125 |  |  |  |  |            |
| %        | 2,4                                      | 2,4 | 3,2 | 4,8 | 7,2 | 8  | 7,2 | 13,6       | 11,2 | 6,4 | 6,4 | 7,2 | 5,6 | 4  | 4  | 6,4 | 100 |  |  |  |  |            |

- Phiếu điều tra 2: số phiếu phát ra 46, thu về 46, đạt 100%. Cụ thể: văn bản *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương) có số chữ điều tra: 28 chữ. Kết quả: 22/46 đạt yêu cầu chiếm 47,8% (xem *bảng 2*):

*Bảng 2. Nhận diện chữ của văn bản “Bánh trôi nước” (Hồ Xuân Hương)*

| TT       | Số chữ nhận diện đúng và đánh giá mức độ |      |     |     |     |     |     |            |     |      |      |     |     |  |  |  |  | Tổng phiếu |
|----------|--|------|-----|-----|-----|-----|-----|------------|-----|------|------|-----|-----|--|--|--|--|------------|
|          | 0  | 1    | 2   | 3   | 5   | 7   | 8   | 9          | 14  | 15   | 16   | 17  |     |  |  |  |  |            |
|          | Không đạt                                |      |     |     |     |     |     | Trung bình |     |      |      | Khá |     |  |  |  |  |            |
| Số phiếu | 5  | 7    | 2   | 2   | 1   | 2   | 1   | 4          | 4   | 7    | 8    | 3   | 46  |  |  |  |  |            |
| %        | 10,9                                     | 15,2 | 4,3 | 4,3 | 2,2 | 4,3 | 2,2 | 8,7        | 8,7 | 15,2 | 17,5 | 6,5 | 100 |  |  |  |  |            |

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

Đối với phương án 2, chúng tôi mở rộng thêm đối tượng điều tra là học sinh (HS) khối lớp 7 và giáo viên phổ thông (GVPT) Trường THCS Hoàng Văn Thụ (TP. Lạng Sơn) nhằm gia tăng tính khách quan cho kết quả điều tra về nguyện vọng của HS và GVPT. Qua thực tế khảo sát 359 khách thể trên 04 đối tượng (HS, SV, GV, GVPT); và nhận được 345 phản hồi, có thể thấy, người học đang “hổng” phần thơ chữ Hán - chữ Nôm và vốn từ Hán Việt còn rất hạn hẹp. Hơn nữa, khi kiểm tra phiếu khảo sát nhận thức, đối với những yêu cầu phân tích về tác phẩm, điều đáng lo ngại là HS, SV chỉ phân tích bản dịch thơ. Thao tác đối chiếu và tư duy so sánh để tìm ra chỗ dịch chưa sát được tiến hành một cách lúng túng, vụng về mà nguyên nhân chủ yếu là do người học và người dạy không hiểu nghĩa của chúng, từ đó không có hứng thú học tập. Kết quả điều tra cụ thể như sau:

- Đối với câu hỏi “*bạn có thích học TTTTĐVN không?*”: 9% phiếu trả lời *thích học*, 29,6% cho rằng *bình thường*, 51% *không thích*, 10,4% *không trả lời*. Như vậy, số người hứng thú với TTTTĐVN là *rất ít*, 29,6% cảm thấy *ghét*.

- Lí do “*không thích học TTTTĐVN*”: 96,3% cho rằng *không thích học TTTTĐVN “vì nó khó hiểu”*, 2,6% cảm thấy “*không thể nào tiếp cận được với loại thơ này*”; 1,1% “*không biết vì sao lại không thích*”. Số liệu này phản ánh sự thực là, việc DH các tác phẩm TTTTĐ rất khó và khô khan.

- *Mức độ quan tâm nhiều đến bản phiên âm và dịch nghĩa*: Chỉ có 22,3% trả lời là *không*; ngược lại, có đến 72,8% *quan tâm đến bản phiên âm và muốn hiểu được văn bản*, 4,9% *chỉ thỉnh thoảng xem qua phần phiên âm và dịch nghĩa*. Như vậy, khá đông HS, SV chưa thực sự ý thức được tầm quan trọng của việc hiểu nghĩa các bài thơ mà chỉ học theo kiểu tùy hứng.

- *Tính cần thiết của việc có một tài liệu để tra cứu các từ trong các bài TTTTĐVN*: 87,5% cho rằng điều đó là *cần thiết và rất cần thiết*. Số liệu này cho thấy, người DH TTTTĐ đang thiếu đi loại tài liệu có tính chất công cụ để định hướng cách hiểu sâu, hiểu sát TTTTĐ.

- *DH tác phẩm TTTTĐVN có cần phải tiếp cận cùng lúc từ nhiều góc độ: văn hóa, lịch sử, văn tự...?* Rất tiếc, vẫn còn 32,8% trả lời *không cần thiết*, 67,2% *hoàn toàn lưu tâm và cho rằng cần thiết, thậm chí rất cần thiết*. Như vậy, phần lớn đã nắm được đặc điểm và yêu cầu chung của hoạt động DH TTTTĐ. Đó là phương pháp và tư duy hệ thống khi tiếp cận TTTTĐ, có vậy mới hiểu thấu đáo hết cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

- *SV có đọc nhiều vấn đề lịch sử, văn hóa... thời kì trung đại không?* Đây chỉ là câu hỏi có tính chất tham khảo để kiểm tra hứng thú của đối tượng điều tra. Kết

quả: 34,8% phiếu cho biết *thường xuyên chịu khó đọc*, 51% *chỉ thỉnh thoảng*; 14,2% phiếu còn lại thành thực thừa nhận *không đọc*. Điều này rất dễ lí giải: do họ không hiểu rõ tác dụng của việc đọc các tư liệu ấy; mặt khác, thực sự chúng cũng tương đối khó đọc.

Qua việc khảo sát nguyện vọng, chúng tôi nhận thấy, việc DH TTTTĐVN còn nhiều bất cập và cần có những phương pháp, tài liệu DH thiết thực, hữu ích.

## 2. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn từ kết quả điều tra

**2.1. Về thuận lợi:** Hàng năm, GV vẫn tự bồi dưỡng và cập nhật kiến thức lí luận văn học, lí luận DH cũng như kiến thức về văn học. Nhiều GV trẻ tốt nghiệp đại học từ 10 năm trở lại đây được trang bị kiến thức hiện đại, toàn diện và có phương pháp dạy học (PPDH) mới. Giáo trình chính được lựa chọn mang tính ổn định với nhiều tác phẩm có tính nhân văn, thẩm mĩ, có tác dụng bồi đắp tư tưởng và tình cảm cho SV nên tạo điều kiện cho GV dạy tốt, SV hứng thú học hơn. GV giảng dạy học phần Văn học trung đại nói chung đã có những hướng dẫn cụ thể, tỉ mỉ cho từng tác phẩm giúp SV định hướng được chính xác nội dung bài giảng.

### 2.2. Về khó khăn

**2.2.1. Rào cản đầu tiên đối với việc tiếp nhận tác phẩm VHTĐVN nói chung, TTTTĐ nói riêng là vấn đề ngôn ngữ.** Việc DH tác phẩm thơ trên văn bản gốc (nhất là văn bản chữ Hán, chữ Nôm) là việc làm hiếm khi xảy ra. Cả GV và SV hầu như chỉ tiếp nhận chúng thông qua các bản dịch nghĩa và dịch thơ. Rất ít GV có đủ trình độ chữ Hán - Nôm, nhất là chữ Hán cổ hay chữ Nôm để có thể giúp SV tiếp nhận tác phẩm trên văn bản gốc. SV cũng thường chỉ chú ý đến các văn bản dịch. Do vậy, việc hiểu sai hoặc chưa đầy đủ các lớp nội dung ý nghĩa cũng như vẻ đẹp hình thức nghệ thuật của các tác phẩm vẫn còn xảy ra.

**2.2.2. Tính chất “văn - sử - triết bất phân” và nặng tính “giáo huấn” của Văn học trung đại cũng làm cho SV không cảm thấy hứng thú khi học.** Vì vậy, trong khi phân tích TTTTĐ, nhiều GV đã tách nội dung và hình thức, giảng tác phẩm TTTTĐ như thuyết minh cho một vấn đề lịch sử.

**2.2.3. Để có thể tiếp nhận trọn vẹn nội dung và hình thức nghệ thuật của một tác phẩm TTTTĐVN, người dạy và người học không những cần phải có sự hiểu biết một cách thấu đáo về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ mà còn phải nắm được những tri thức về lịch sử, văn hóa, xã hội...** Thêm nữa, việc vận dụng các tri thức về sự phát triển của lịch sử xã hội góp phần vào việc lí giải nội dung của các tác phẩm TTTTĐ hiện nay cũng gặp nhiều khó khăn, nhất là các sự kiện lịch sử cụ thể liên quan đến sự ra đời của các tác phẩm (do khoảng cách giữa thời đại

tác phẩm ra đời với thời đại GV, SV sống; khoảng cách về vốn sống, tâm văn hoá, tâm hiểu biết; khoảng cách về tâm lý và tâm lý tiếp nhận)...

2.2.4. Khi dạy TTTTĐVN, nhiều GV vẫn dạy theo kinh nghiệm cũ, “thầy nói, trò nghe”, chưa phát huy hết vai trò chủ động sáng tạo của SV. GV chưa hình thành hoặc chưa thực sự xác lập được phương pháp hiệu quả, biện pháp cụ thể khi dạy phần văn học này.

### **3. Một số biện pháp nhằm hạn chế khoảng cách tiếp nhận, nâng cao hiệu quả DH VHTĐVN**

**3.1. DH TTTTĐVN theo hướng vận dụng phương pháp tư duy tổng hợp.** Để nghiên cứu và giảng dạy văn học nói chung, TTTTĐVN nói riêng, GV cần có cách tiếp cận tổng thể. Cho dù cách tiếp cận đó như thế nào thì cũng phải xuất phát từ việc nhận thức tác phẩm văn học là một quá trình tương tác giữa tác giả với độc giả (thông qua ngôn ngữ) trong một bối cảnh xã hội, lịch sử, văn hóa cụ thể... Vì vậy, tư duy hệ thống là phương pháp tư duy khoa học, cho phép lồng ghép nhiều phương pháp, biện pháp dạy học... Nói cách khác, nhiều phương pháp, biện pháp nghiên cứu và DH vẫn có thể phát huy, vận dụng một cách linh hoạt, sinh động để góp phần làm sáng tỏ hệ thống đã được thiết lập, xây dựng. Phương pháp tư duy hệ thống là phương pháp tổng thể, vận dụng được nhiều phương pháp truyền thống như tiếp cận theo hướng gắn với lịch sử hình thành; theo hướng văn hóa; theo khuyến hướng bản thể và tìm tòi về thi pháp tác phẩm gắn với thể loại...

**3.2. DH TTTTĐVN theo hướng liên môn (học phần Hán Nôm).** “Học tập và nghiên cứu những tài liệu thư tịch Hán Nôm không phải cách thức duy nhất nhưng là con đường quan trọng, đáng tin cậy và có những ưu thế riêng biệt” (1; tr 26). Đây là một trong những phương pháp trực tiếp để SV hiểu được giá trị thơ ca của cổ nhân. Trong chương trình đào tạo, SV Ngữ văn được trang bị kiến thức về chữ Hán, chữ Nôm (nguồn gốc, diễn biến hình thể, cấu tạo, từ ngữ, ngữ pháp...) và các văn bản cụ thể. Học phần Hán Nôm còn liên quan mật thiết với các môn khác như Ngôn ngữ, Văn hóa học, VHTĐVN, Văn học Trung Quốc,... Từ đó, GV và SV đã nắm bắt được phương pháp đọc hiểu, chú giải, bình giảng văn bản Hán - Nôm từ nguyên tác của tác phẩm nên có thể vận dụng vào giảng văn bản TTTTĐVN một cách thiết thực. Chẳng hạn, trong bài viết “*Bàn về phương pháp tìm hiểu thơ chữ Hán trong quá trình dạy và học ở trung học phổ thông*”, tác giả Nguyễn Thị Thanh Chung đã lựa chọn và phân tích hình thể và tính hệ thống của một số chữ trong tác phẩm *Cáo tật thị chúng* (Mãn Giác thiền sư) để nhận ra mạch vận động, ý tứ ngầm của bài thơ. “Đó là quy luật hóa sinh của tự nhiên, niềm tin bất diệt vào sự sống được thể hiện ở

hình tượng một cành mai, cách sắp xếp *xuân khứ* trước *xuân đáo*, *hoa lạc* trước *hoa khai* và ngay trong hình thể văn tự của bài thơ” (2; tr 301-307). Như vậy, khi DH VHTĐVN nên vừa dạy vừa “ôn cố tri tân”, vừa dạy vừa giải thích cho SV dễ hiểu và không cảm thấy xa lạ với các nhà thơ, nhà văn cổ điển cũng như tư tưởng của các học giả tiền bối. Đặc biệt, GV cũng cần tự trau dồi vốn chữ Hán, chữ Nôm cho bản thân; cần thực hiện yêu cầu tích hợp kiến thức, có tích hợp ngang, có tích hợp dọc và nên tích hợp ngay trong từng bài giảng để giảm thiểu hết sức các bài học riêng biệt mang tính lý luận khô khan, trừu tượng. Có như vậy, chất lượng phân tích văn bản mới đảm bảo tính chính xác và hiệu quả thẩm mỹ.

### **3.3. DH TTTTĐVN theo hướng đổi mới từ GV:**

Trong DH Ngữ văn nói chung, việc xác định SV là “nhân vật trung tâm”, là “bạn đọc sáng tạo” đã được bàn luận và áp dụng từ lâu nay. Do vậy, đòi hỏi mỗi SV phải nỗ lực, tự giác cao độ. Muốn chủ động và tích cực trong học tập, SV phải tự học, tự đọc sách, đọc giáo trình, biết cách xây dựng hệ thống câu hỏi, nội dung còn bản thảo, biết hoài nghi về phương pháp tiếp cận vấn đề. Gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sư phạm, SV phải tự bồi dưỡng chất văn, bồi dưỡng hứng thú, thị hiếu văn chương cho bản thân để tạo nên môi trường, chất xúc tác thúc đẩy quá trình tự học, tự tích lũy. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế của GV và SV (chủ yếu là người dân tộc thiểu số, trình độ và khả năng tiếp thu gặp nhiều hạn chế), chúng tôi nhận thấy, vai trò của GV - người trực tiếp truyền kiến thức và bồi dưỡng kĩ năng văn chương cho SV - rất quan trọng. Mọi trường làm việc ở Trường CĐSP Lạng Sơn tương đối tốt, tuy nhiên, xét ở phương diện chuyên môn còn có sự thay đổi về nội dung, cách thức sinh hoạt. Tổ Văn nên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn thuần túy thành những buổi sinh hoạt chuyên đề gắn với từng học phần giảng dạy dưới nhiều hình thức khác nhau (báo cáo kinh nghiệm, trao đổi học thuật sâu, giảng dạy thể nghiệm các PPDH mới, thành lập và duy trì sinh hoạt thường xuyên các câu lạc bộ dành cho SV...).

**3.4. DH TTTTĐVN theo hướng hợp tác “hai chiều” giữa Trường CĐSP Lạng Sơn với trường phổ thông tại địa phương:** Việc hợp tác đảm bảo hoạt động lí luận dạy học, lí luận chuyên môn được thể nghiệm, kiểm chứng vào hoạt động DH thực tiễn. Hơn thế, biện pháp này cho phép GV chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn với GVPT; tạo ra môi trường thực nghiệm cho SV rèn luyện (cả về kiến thức lẫn phương pháp giảng dạy) trước khi ra trường. Xét ở góc độ phát huy tính chủ

(Xem tiếp trang 45)

- Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng NL dạy và học nội dung hàm số theo chuẩn NNGV nêu trên là cơ sở để chúng tôi đề xuất các biện pháp như: 1) Rèn luyện cho SV KN giải bài tập về nội dung hàm số làm cơ sở để DH nội dung hàm số ở THPT; 2) Rèn luyện cho SV KN đặt câu hỏi và sử dụng hệ thống câu hỏi trong quá trình nghiên cứu lí luận và thực hành DH hàm số; 3) Thường xuyên luyện tập cho SV KN dự đoán và sửa chữa những lỗi thường gặp của HS trong DH nội dung hàm số; 4) Rèn luyện KN DH nội dung hàm số gắn với thực tiễn cho SVSP Toán; 5) Tổ chức cho SV tập luyện KN khai thác CNTT trong thực hành DH nội dung hàm số; 6) Tập luyện cho SV vận dụng các kĩ thuật đánh giá kết quả học tập của HS trong DH nội dung hàm số. Do phạm vi bài viết, việc minh chứng hiệu quả của các biện pháp sẽ được tác giả đề cập ở những bài báo tiếp theo.

\* \* \*

Việc hệ thống hóa, xác lập những cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc phát triển NLDH toán cho SVSP Toán cùng với kết quả khảo sát, phân tích thực trạng NL dạy và học nội dung hàm số theo chuẩn NNGV làm căn cứ đề xuất một số biện pháp sư phạm phát triển NLDH Toán cho SVSP đáp ứng chuẩn NNGV thông qua nội dung hàm số trong môn Toán ở THPT,

góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ GV tạo điều kiện cho giáo dục phát triển, từ đó phục vụ đắc lực cho sự phát triển KT-XH. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học* (theo thông tư số 30/2009/TT- BGDĐT ngày 22/10/2009 ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông).
2. Bùi Văn Nghị. **Vận dụng lí luận vào thực tiễn dạy học môn Toán ở trường phổ thông**. NXB Đại học Sư Phạm, H. 2009.
3. Bùi Văn Nghị. **Phương pháp dạy học những nội dung cụ thể môn Toán**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2010.
4. Nguyễn Anh Tuấn. “Một số vấn đề về dạy học hàm số ở trường trung học cơ sở”. Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 12/1999 (tr 19, 20, 22).
5. Nguyễn Minh Giang. “Tìm hiểu năng lực dạy học của giáo viên toán trung học phổ thông theo yêu cầu đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên”. Kỉ yếu Hội thảo khoa học **Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên toán phổ thông Việt Nam**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2015 (tr 82-94).

## Thực trạng và giải pháp...

(Tiếp theo trang 32)

động, tích cực của SV thì đây là biện pháp hoàn toàn phù hợp và có tính khả thi cao.

\* \* \*

Trong hoạt động DH TTTTĐVN ở Trường CĐSP Lạng Sơn, muốn nâng cao hiệu quả giáo dục và phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của SV, đòi hỏi sự nỗ lực và cố gắng của cả GV và SV. Muốn khắc phục được “khoảng cách thẩm mĩ” cho SV khi học TTTTĐVN nói riêng cần sử dụng nhuần nhuyễn các PPDH truyền thống như đọc, cắt nghĩa và chú giải sâu, giảng bình, tạo tình huống có vấn đề, tái tạo hoàn cảnh lịch sử ra đời của tác phẩm, thời đại tác giả sống... Ngoài ra, phương pháp tự duy hệ thống, tiếp cận hướng liên môn với học phần Hán Nôm, đổi mới từ GV, hợp tác “hai chiều” giữa Trường CĐSP Lạng Sơn với trường phổ thông tại địa phương cần được chú ý để hoạt động DH TTTTĐVN đạt được mục tiêu đề ra, góp phần vào việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy di sản tinh thần quý báu mà cha ông ta đã để lại. □

(1) Đặng Đức Siêu. “Suy nghĩ bước đầu xung quanh

vấn đề truyền đạt và tiếp nhận di sản Hán Nôm trong nhà trường”. **Hán Nôm học trong nhà trường**. NXB Khoa học xã hội, H. 2008.

(2) Nguyễn Thị Thanh Chung. “Bàn về phương pháp tìm hiểu thơ chữ Hán trong quá trình dạy và học ở trung học phổ thông”. **Nghiên cứu và giảng dạy ngữ văn từ truyền thống đến hiện đại**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2011.

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Hùng. **Giáo trình phương pháp dạy học Ngữ văn ở trung học cơ sở**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2007.
2. Nguyễn Thị Thanh Hương. **Đề dạy và học tốt tác phẩm văn chương (phần trung đại) ở trường phổ thông**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2007.
3. Nguyễn Đăng Na (chủ biên). **Văn học trung đại Việt Nam** (tập 1, 2). NXB Đại học Sư phạm, H. 2005.
4. Lã Nhâm Thìn (chủ nhiệm đề tài). “Vấn đề giảng dạy văn học trung đại Việt Nam ở trường phổ thông (báo cáo tổng kết - năm 2006)”. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Mã số: B2003-75-70).
5. Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. **Nghiên cứu và giảng dạy ngữ văn từ truyền thống đến hiện đại**. NXB Đại học Sư phạm H. 2011.